TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2024/DS-PT
Ngày: 01-3-2024
"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ bơm tiêu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01/02/2024 và ngày 01/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 464/2023/TLPT-DS, ngày 30 tháng 11 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ bơm tiêu"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Minh C, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Minh C: Anh Lê Văn T, sinh năm 1975 (có mặt); Địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy ủy quyền ngày 15/01/2024).

2. Bị đơn: Lê Ngọc D, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Ngọc D: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966 (có mặt); Địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy ủy quyền ngày 12/01/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Ngọc D: Luật sư Lê Thị Ngọc T2 là Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ theo Quyết định số: 22/QĐ-TGPL ngày 15/01/2024 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ về việc cử Luật sư thực hiện tham gia tố tụng (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hợp tác xã H2;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965, chức vụ Giám đốc Hợp tác xã H2 (vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người làm chứng: Nguyễn Văn T3, sinh năm 1954 (có mặt ngày 01/02/2024, vắng mặt ngày 01/3/2024);

Địa chỉ: Tổ F, ấp G, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Người kháng cáo: Ông Lê Minh C là nguyên đơn và ông Lê Ngọc D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Minh C trình bày: Căn cứ vào hợp đồng bơm tiêu chống úng số: 01/HĐ-THT ngày 25/8/2011 và Hợp đồng bơm tiêu chống úng số: 01/HĐ-BT ngày 15/4/2021 giữa chủ đầu tư là ông Lê Minh C với các đại diện Tổ hợp tác số 4, 6, 8, 9 và Hợp tác xã H2 thì bên ông C có nghĩa vụ phục vụ bơm tiêu chống úng cho nông dân sạ lúa vụ Thu Đ (vụ 3) với thời hạn là 15 năm kể từ vụ Thu Đ năm 2011 cho đến hết vụ Thu Đ năm 2025, giá 08 năm đầu là 140.000đồng/ 1000m^2, 07 năm sau đại hội sẽ bàn giá mới. Trong đó có hộ ông D canh tác khoảng 120.000m^2 nằm trong Tổ hợp tác số 9 do ông Nguyễn Văn T3 làm Tổ trưởng, đến năm 2017 thì Tổ hợp tác số 9 sáp nhập thành Hợp tác xã H2 do ông Nguyễn Văn H làm Giám đốc. Vào những năm đầu thì ông D có trả tiền thủy lợi phí, cụ thể: Vào năm 2011, 2013, 2014, 2015 mỗi vụ 8.000.000 đồng (năm 2012 do xả lũ không có bơm tiêu), năm 2016, 2017 thì mỗi vụ chỉ còn 6.000.000 đồng lúc này ông C nghĩ tình làng nghĩa xóm nên thống nhất thu phí như vậy. Đến vụ Đông Xuân năm 2018 - 2019, T năm 2019, Thu Đ năm 2020, Thu Đ năm 2021 ông D không đóng thủy lợi phí bơm tiêu chống úng nữa, nên vào năm 2021 ông C mới kiện đến Tòa án, sau đó ông C rút đơn, đến năm 2022 ông C khởi kiện lại cho đến hôm nay.

Ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Ngọc D có nghĩa vụ trả tiền thủy lợi phí của các vụ Đông Xuân năm 2018 - 2019, T năm 2019, Thu Đ năm 2020, Thu Đ năm 2021 và Thu Đ năm 2022 mỗi vụ bằng 50% giá thủy lợi phí theo hợp đồng trên diện tích 120.000m^2, cụ thể: Vụ Đông Xuân năm 2018 - 2019 là 70.000 đồng/1.000m^2 x 120.000m^2 = 8.400.000 đồng (Vì lúc này giá thỏa thuận hợp đồng là 140.000 đồng/1000m^2); Vụ Thu Đông năm 2019 là 70.000

đồng/1.000m^2 x 120.000m^2 = 8.400.000 đồng; Vụ Thu Đông năm 2020 là 70.000 đồng/1.000m^2 x 120.000m^2 = 8.400.000 đồng; Vụ Thu Đông năm 2021 là 67.500 đồng/1.000m^2 x 120.000m^2 = 8.100.000 đồng (Vì lúc này giá thỏa thuận hợp đồng là 135.000đồng/1000m^2); Vụ Thu Đông năm 2022 là 67.500 đồng/1.000m^2 x 120.000m^2 = 8.100.000 đồng. Tổng cộng 41.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Việc trồng dừa là do các anh chị em của ông D cùng trồng nhưng từ trước đến nay đều do ông Duy đ thủy lợi phí, nên ông C chỉ yêu cầu một mình ông D trả tiền thủy lợi phí.

- Bị đơn ông Lê Ngọc D trình bày: Không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh C. Vì, hơn mười năm nay vào khoảng năm 2011 phần diện tích đất của ông D đã được lên liếp trồng dừa cho đến nay, do đó việc tiêu nước để chống úng là không có đối với phần diện tích đất của ông D. Đồng thời, ông D cho rằng phần diện tích đất của ông không nằm trong Tổ hợp tác nào cả, khi Tổ hợp tác hoặc Hợp tác xã họp với chủ đầu tư thì cũng không có mời ông D đến họp, ông D không có ký hợp đồng gì với ông C. Hiện nay phần diện tích đất của ông D tổng cộng là 120.000m^2 chứ không phải 140.000m^2 như ông C khai. Vào những năm đầu thì ông H1 (em rễ của ông C) có vô nói với ông D *"là do trạm bơm điện mới hạ thế để phục vụ bơm tiêu gặp khó khăn nên yêu cầu ông D hỗ trợ",* ông D thấy vậy cũng đồng ý hỗ trợ cho ông H1 được vài lần mỗi lần từ 3 triệu đồng đến 4 triệu đồng. Nay làm ăn khó khăn nên ông D không hỗ trợ nữa. Việc trồng dừa do các anh chị em của ông D cùng trồng, nhưng diện tích đất 120.000m^2 này đều do ông D đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất, nên mọi việc liên quan đến diện tích đất này đều do ông D đứng chịu trách nhiệm, ông D toàn quyền quyết định, không liên quan đến các anh chị em khác của ông D. Nếu Tòa án giải quyết buộc ông D trả thủy lợi phí thì ông D đồng ý một mình trả cho ông C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã H2 do ông Nguyễn Văn H đại diện theo pháp luật trình bày: Diện tích đất ông Lê Ngọc D hiện nay đang trồng dừa. Trước đây phần đất này nằm trong Tổ hợp tác số 9 do ông T3 làm Tổ trưởng, đến năm 2017 thì Tổ hợp tác số 9 sáp nhập thành Hợp tác xã H2 do ông H làm Giám đốc. Vào năm 2011 Tổ hợp tác số 9 có ký hợp đồng bơm tiêu chống úng với ông C là đúng sự thật. Nay ông C yêu cầu thì đúng nhưng phải xem xét nghĩ lại số tiền thủy lợi phí cho phù hợp bởi ông D trồng dừa chứ không có trồng lúa như mọi người khác. Nếu trả đầy đủ tiền thủy lợi phí theo hợp đồng đối với ông D thì cũng không hợp lý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Minh C.

Buộc ông Lê Ngọc D có trách nhiệm trả tiền thủy lợi phí của các vụ Đông Xuân năm 2018 -2019, vụ Thu Đông năm 2019, vụ Thu Đ năm 2020, vụ Thu Đ

năm 2021 và vụ Thu Đ năm 2022 mỗi vụ 4.000.000 đồng, tổng cộng 20.000.000 đồng cho ông Lê Minh C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Minh C về việc yêu cầu ông Lê Ngọc D trả tiền thủy lợi phí 21.400.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Ngọc D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Lê Minh C nộp 1.070.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.754.000 đồng, theo biên lai thu số 0011059 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, ông Lê Minh C được nhận lại số tiền chênh lệch 1.684.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 09/10/2023 bị đơn ông Lê Ngọc D không thống nhất bản án dân sự sơ thẩm, nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh C.

- Ngày 10/10/2023 nguyên đơn ông Lê Minh C không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Lê Ngọc D phải có nghĩa vụ trả tiền thủy lợi phí bơm tiêu còn nợ của vụ Đông Xuân 2018-2019, vụ Thu Đông 2019, vụ T 2020, vụ T 2021 và vụ Thu Đông 2022 với tổng số tiền là 41.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Lê Minh C ủy quyền cho anh Lê Văn T đại diện trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi các căn cứ như: Hợp đồng bơm tiêu chống úng số: 01/HĐ-THT ngày 25/8/2011 và Hợp đồng bơm tiêu chống úng số: 01/HĐ-BT ngày 15/4/2021 giữa chủ đầu tư là ông Lê Minh C với đại diện Tổ hợp tác số 9 và Hợp tác xã H2, trong đó ông D là thành viên Tổ hợp tác và xã viên Hợp tác xã nên phải có trách nhiệm đối với chủ đầu tư ông C; Công văn số: 109/UBND-VP ngày 29/02/2024 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã T Cơ thể hiện ông D có đặt máy bơm để bơm nước vào trồng dừa và bơm thoát ra; Diện tích đất của ông D là nằm trong diện tích đê bao bơm tiêu của ông C, thực tế ông D chỉ lên liếp để trồng dừa mà không có đê bao

riêng; Mức giá thủy lợi phí 140.000 đồng/1.000m^2 đã được những người trong diện bơm tiêu trả tiền đầy đủ cho ông C, còn ông D vào vụ Thu Đ năm 2018 chỉ trả cho ông C 6.000.000 đồng/120.000m^2, tương đương 50.000 đồng/1.000m^2 là thấp; Biên bản hòa giải ngày 28/5/2022 của Tổ hòa giải ấp Đ thì ông D cũng thừa nhận có trả thủy lợi phí cho ông C; Chi phí ông C bỏ ra để phục vụ bơm tiêu hàng năm là lớn, thể hiện tổng chi phí ông C bỏ ra cho 06 năm/80 ha là 2,2 tỷ đến 2,5 tỷ đồng, diện tích ông D là 12 ha/80 ha chiếm 15% diện tích của diện bơm; Việc ông C bơm tiêu tốt cũng được các hộ nông dân thừa nhận và trả tiền đầy đủ. Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Văn T3 tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, bởi lẽ ông C đã trích chi trả cho ông Trung đại d Tổ hợp tác số tiền 4.000 đồng/1000m^2 x 80 ha = 3.200.000 đồng, nên ông T3 phải có trách nhiệm hỗ trợ chủ đầu tư.

- Luật sư Lê Thị Ngọc T2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Ngọc D trình bày: Căn cứ vào 02 Hợp đồng bơm tiêu chống úng số: 01/HĐ-THT ngày 25/8/2011 và Hợp đồng bơm tiêu chống úng số: 01/HĐ-BT ngày 15/4/2021 (viết tắt là Hợp đồng) mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền thủy lợi phí là không có căn cứ, vì theo Công văn số: 450/UBND–VP ngày 03/8/2023 của UBND xã T thì đất của ông D đã chuyển sang trồng dừa, nên không cần thiết phải rút nước bơm tiêu; theo nội dung Hợp đồng việc bơm tiêu chỉ phục vụ cho cây lúa; Hợp đồng được ký khi ông D đã chuyển đổi cây trồng từ cây lúa sang cây dừa; Ông T3 đã tách ông D ra khỏi danh sách mà ông C có nghĩa vụ bơm tiêu chống úng; Năm 2012-2018 ông D đã trồng dừa rồi, do là cây dừa nên ông C không có trách nhiệm gì đối với việc bơm tiêu chống úng cho ông D; Việc ông Hiền N (em rễ ông C) cho rằng ông D có đóng thủy lợi phí cho ông C nhưng việc này không được ông D thừa nhận. Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông D, không chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

- Bị đơn ông Lê Ngọc D ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T1 đại diện trình bày: Thống nhất với lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Luật sư Lê Thị Ngọc T2 như nêu trên, đồng thời trình bày bổ sung ông D không có tên trong danh sách bơm tiêu nên không vi phạm Hợp đồng, ông C không có danh sách và không có phiếu thu thủy lợi phí gì đối với ông D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Minh C và của bị đơn ông Lê Ngọc D thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham

gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Minh C và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Ngọc D; tuyên xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 96/PB-VKS-DS ngày 01/3/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ bơm tiêu"* là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Minh C nộp đơn kháng cáo vào ngày 10/10/2023 và bị đơn ông Lê Ngọc D nộp đơn kháng cáo vào ngày 09/10/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn H đại diện hợp pháp của Hợp tác xã H2 vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Lê Minh C ký Hợp đồng bơm tiêu chống úng số: 01/HĐ-THT ngày 25/8/2011 và Hợp đồng bơm tiêu chống úng số: 01/HĐ-BT ngày 15/4/2021 với các đại diện theo pháp luật của Tổ hợp tác số 4, 6, 8, 9 và Hợp tác xã H2. Theo thỏa thuận của hợp đồng thì bên ông C có nghĩa vụ phục vụ bơm tiêu (bơm rút nước) chống úng cho nông dân sạ lúa vụ Thu Đ (vụ 3) với thời hạn là 15 năm kể từ vụ Thu Đ năm 2011 cho đến hết vụ Thu Đ năm 2025, giá 08 năm đầu là 140.000đồng/1000m^2, 07 năm sau đại hội sẽ bàn giá mới. Trong đó có hộ ông Lê Ngọc D canh tác khoảng 120.000m^2 nằm trong Tổ hợp tác số 9 do ông Nguyễn Văn T3 làm Tổ trưởng, đến năm 2017 thì Tổ hợp tác số 9 sáp nhập thành Hợp tác xã H2 do ông Nguyễn Văn H làm Giám đốc. Thời gian từ năm 2011 đến năm 2017 thì ông D đã đóng tiền thủy lợi phí cho ông C, nhưng sau đó thì ông D không đóng thủy lợi phí nữa. Nguyên đơn ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông D có nghĩa vụ trả tiền thủy lợi phí của các vụ Đông Xuân năm 2018 - 2019, T năm 2019, Thu Đ năm 2020, Thu Đ năm 2021 và Thu Đ năm 2022 (viết tắt là 5 vụ) mỗi vụ bằng 50% giá thủy lợi phí theo hợp đồng trên diện tích

120.000m^2, với tổng số tiền 41.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Còn bị đơn ông D không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông C cho rằng phần diện tích đất 120.000m^2 của ông D đã được lên liếp trồng dừa từ năm 2011 cho đến nay, do đó việc bơm tiêu để chống úng là không có, đồng thời ông D cho rằng phần diện tích đất của ông không nằm trong Tổ hợp tác nào cả, khi Tổ hợp tác hoặc Hợp tác xã họp với chủ đầu tư thì cũng không có mời ông D đến họp, ông D không có ký hợp đồng gì với ông C. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng dịch vụ bơm tiêu chống úng giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh C buộc bị đơn ông Lê Ngọc D có trách nhiệm trả tiền thủy lợi phí của 5 vụ, mỗi vụ 4.000.000 đồng, tổng cộng 20.000.000 đồng cho ông C là có cơ sở. Bởi các lẽ như sau:

- *Một là,* nguyên đơn ông C cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh diện tích đất 120.000m^2 ông D trồng dừa nằm trong Tổ hợp tác số 9, sau đó sáp nhập thành Hợp tác xã H2. Mặt khác, việc này cũng phù hợp với lời khai của ông D thể hiện theo Biên bản hòa giải ngày 28/5/2022 của Tổ hòa giải ấp Đ, xã T khi đó ông D trình bày thống nhất hợp đồng bơm tiêu chống úng, ông D cũng có nộp số tiền bơm tiêu chống úng và đồng ý trả thêm 3.000.000 đồng nữa là xong, còn ông C đòi nộp đủ số tiền 52.300.000 đồng thì ông D không nộp, ngoài ra cũng phù hợp với Công văn số: 450/UBND–VP ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã T cung cấp thông tin cho Tòa án có nội dung như sau: *"Năm 2010 Nhà nước có chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi. Ông D thực hiện theo chủ trương nên ông đã chuyển đổi trồng lúa sang trồng dừa…; Đến năm 2011 Nhà nước có chủ trương khép kính đê bao sản xuất lúa vụ Thu Đ, thì phần diện tích đất của ông D nằm trong ô đê bao do ông C bơm tiêu. …; Việc diện tích đất của ông D hiện nay trồng dừa nằm trong cánh đồng Hợp tác xã H2 và cũng nằm trong diện tích bơm tiêu vụ Thu Đ hàng năm của ông C…;".* Cũng như theo Công văn số: 109/UBND-VP ngày 29/02/2024 của UBND xã T cho thấy các đường nước thoát nước ra sông thuộc cánh đồng Hợp tác xã H2 đều phải thông qua trạm bơm tiêu của ông C mới thoát ra sông được, ông D có đặt máy bơm để bơm nước vào và bơm thoát nước ra. Diện tích đất trồng dừa của ông D thoát nước thì thoát xuống đường rọc cặp đê bao trồng dừa của ông D và tiếp tục thoát nước đến trạm bơm ông C để bơm thoát ra ngoài.

- *Hai là,* qua các lời khai của bị đơn ông D trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của ông D cũng khai nhận "Vào những năm đầu thực hiện chủ trương khép kín đê bao để sạ lúa vụ Thu Đ (vụ 3) thì ông Hiền N (em rễ của ông C) có vô nói với ông D là do trạm bơm điện mới hạ thế để phục vụ bơm tiêu gặp khó khăn nên yêu cầu ông D hỗ trợ, ông D thấy vậy cũng đồng ý hỗ trợ cho ông H1 được vài lần, mỗi lần từ 3 triệu đồng đến 4 triệu đồng", việc này đại diện theo ủy quyền của ông C và người làm chứng là ông Võ Văn Hiền

N1 (tên thường gọi H1) cũng thừa nhận là có nhận trả tiền thủy lợi phí của ông D vào những năm đầu, cụ thể: Vào năm 2011, 2013, 2014, 2015 mỗi vụ 08 triệu đồng (Năm 2012 do xả lũ không có bơm tiêu), năm 2016, 2017 thì mỗi vụ 06 triệu đồng (Việc ông D và ông H1 giao nhận tiền tất cả đều không có lập biên lai thu hay giấy tờ giao nhận). Đây là thỏa thuận mới, việc đại diện của anh C thừa nhận có nhận 08 triệu đồng và 06 triệu đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, trong khi đó ông D chỉ thừa nhận có giao được vài lần mỗi lần từ 03 triệu đồng đến 04 triệu đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm lấy mức thủy lợi phí mà phía ông D có nghĩa vụ trả cho ông C theo mỗi vụ (trong 05 vụ) là 04 triệu đồng cho diện tích đất 120.000m^2 là có cơ sở.

- *Ba là,* việc nguyên đơn ông C căn cứ vào giá thủy lợi phí bơm tiêu được thỏa thuận trong hợp đồng bơm tiêu chống úng (tuy có giảm 50%). Tuy nhiên, ông C phục vụ bơm tiêu chống úng cho các hộ dân thuộc Hợp tác xã H2 để sạ lúa vụ Thu Đ hàng năm, việc đó các hộ dân sạ lúa đều đóng thủy lợi phí bơm tiêu tốt, không ai tranh chấp nhưng đối với diện tích đất của ông D trồng dừa thì so với các hộ dân trồng lúa mà để ông C yêu cầu ông D trả là chưa phù hợp, lẽ ra các bên ông C và ông D cần thỏa thuận trực tiếp với nhau về việc chuyển đổi cây trồng trên đất để đưa ra mức giá thu thủy lợi phí phù hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhưng các bên không thực hiện là lỗi của các bên. Nên việc Tòa án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C chỉ buộc ông D trả thủy lợi phí cho 5 vụ, mỗi vụ là 4.000.000 đồng/ 120.000m^2, tổng cộng thành tiền là 20.000.000 đồng là phù hợp với lời khai của ông D có đồng ý hỗ trợ cho ông C được vài lần, mỗi lần từ 03 triệu đồng đến 04 triệu đồng và phù hợp với thực tế sử dụng đất để trồng dừa của ông D.

Ông D có cung cấp cho Tòa án phúc thẩm Danh sách xã viên và diện tích Đội 2 vụ Thu Đ năm 2020 để chứng minh ông D không có tên trong thành viên của T4 hợp tác số 9 và Hợp tác xã H2, tuy nhiên Danh sách này không có ký xác nhận của cá nhân, tổ chức hay cơ quan có thẩm quyền nên không được xem là chứng cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm người làm chứng ông Nguyễn Văn T3 cho rằng trước đây ông là Tổ trưởng Tổ hợp tác số 9 thì đất ông D không có nằm trong Tổ hợp tác số 9, tuy nhiên lời khai ông T3 không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, nên không đủ cơ sở xem xét chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Minh C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông C yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chí b bị đơn ông Lê Ngọc D phải có nghĩa vụ trả tiền thủy lợi phí bơm tiêu còn nợ cho ông C là 41.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn ông Lê Ngọc D kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh C. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày đại diện hợp pháp của ông C và của ông D là không có đủ căn cứ, đồng thời ông C và ông D

cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Minh C và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Ngọc D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là không có đủ cơ sở như phân tích trên, nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Minh C và bị đơn ông Lê Ngọc D không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, xét thấy ông D thuộc trường hợp người có công với cách mạng và có đơn xin miễn án phí, nên ông D được xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Minh C;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Ngọc D;

3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 17/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Lê Ngọc D được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Lê Minh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002817 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi